

GIAO TIẾP TẠI NHÀ HÀNG

MẪU CÂU

I have a reservation for two this evening.

Tôi đã đặt trước bàn cho 2 người tối nay.

I'm Phong

Tên tôi là Phong

Table for three, please!

Sắp xếp cho tôi bàn 3 người nhé!

Have you got a table for two people?

Anh còn bàn ăn cho 2 người không?

It's uncomfortable. It's too close to the door

Chỗ này không thoải mái lắm. Nó quá gần cửa ra vào

This one is good. Let's take it

Chỗ này ổn rồi. Chúng ta ngồi đi

I prefer the one in that quiet corner

Tôi thích bàn ở góc yên tĩnh kia hơn

Can we have a look at the menu, please?

Làm ơn cho tôi xem qua thực đơn được không?

What's special for today?

Món đặc biệt của ngày hôm nay là gì?

I think I'll have fried banana to begin with

Tôi nghĩ tôi sẽ dùng món chuối chiên để khai vị

I'll order the same

Tôi cũng gọi món tương tự

Bring me two beers, please

Mang cho tôi 2 cốc bia nhé

Are you ready to order?

Ông sẵn sàng gọi món ăn rồi chứ

Can I take your order now?

Tôi có thể gọi món cho ông bây giờ được không?

What do you have today for breakfast?

Bữa sáng hôm nay ông muốn dùng món gì?

What would you like for your main course?

Ông muốn dùng món gì vào bữa chính?

What dishes would you like?

Ông muốn dùng món gì?

Would you like to order now?

Ông muốn gọi đồ ăn bây giờ không?

And what to follow?

Và món tiếp theo là gì?

Anything to drink?

Ông dùng đồ uống nhé?

How would you like that done?

Ông muốn món này được chuẩn bị thế nào?

What salad would you prefer?

Anh thích món rau trộn nào hơn?

Would you care for a drink before you order?

Trước khi gọi món ông có muốn dùng đồ uống không ạ?

Anything is all right for me

Tôi dùng món gì cũng được

I'll order dessert later

Tôi sẽ gọi món tráng miệng sau

Can I have the bill, please?

Mang hóa đơn đến cho tôi nhé?

Give me the bill, please

Cho tôi xem hóa đơn nào

It's my treat this time. I'll pay

Lần này tôi khao. Tôi sẽ thanh toán

Let me pay this time. You can pay next time

Để tôi trả lần này. Lần khác cậu trả

The bill, please

Làm ơn mang hóa đơn lại đây

Take your time. I'll be with you in a moment

Xin ông cứ thông thả. Lát nữa tôi sẽ quay lại

HỘI THOẠI THỰC HÀNH

Hội thoại 1

A: Waiter! Is the table free?

Anh phục vụ! Bàn này chưa ai đặt phải không?

B: Yes, please. How many people are these to sit here?

Vâng ạ. Các anh có mấy người?

A: Four people

4 người

B: Please take your seats. Did you order?
Mời các anh ngồi. Các anh gọi gì chưa?

A: Can we have a look at the menu, please?
Làm ơn cho tôi xem qua thực đơn được không?

B: Here you are, sir
Đây thưa anh

A: Thanks
Cảm ơn

Hội thoại 2

A: I have a reservation for two this evening. I'm Phong
Tôi đã đặt trước bàn cho 2 người tối nay. Tên tôi là Phong

B: Please follow me, Mr Phong
Vâng, mời ông theo tôi

A: Umm, is this a non- smoking area?
Ở đây không hút thuốc phải không?

B: Yes, it is. Would you like to wait for the other guest, or would you like to order now?
Vâng. Ông muốn chờ vị khách kia tới, hay muốn gọi món luôn ạ?

A: I'll wait for a while
Tôi sẽ chờ 1 lát

A: Anything to drink first? Cocktail or juice?
Ông muốn uống gì trước? Cocktail hay nước ép trái cây?

A: Give me a glass of orange juice, please
Hãy cho tôi 1 ly nước cam

A: Yeah. And this is menu
Vâng. Và đây là thực đơn ạ

B: Thank you
Cảm ơn

Hội thoại 3

A: Are you ready to order, sir?
Anh gọi đồ ăn luôn chứ ạ?

B: Yes, I'll have an order of cream soup to begin with
Vâng, mang trước cho tôi món súp kem trước nhé

A: What'll you have to follow?
Tiếp theo anh muốn gọi món gì ạ?

B: Perhaps I'll take fried potatoes
Có lẽ tôi sẽ ăn món khoai tây chiên

A: OK. Would you like something to drink?
Được ạ. Anh có muốn dùng đồ uống gì không ạ?

B: No, thanks. That's enough
Không, cảm ơn anh. Thế là đủ rồi